

TRẦN THỊ NGỌC--DIỆP -- ĐỖ VĂN ANH

# MỤC-LỤC

PHÂN TÁCH TẬP CHÍ

tri - tăn

1941 - 1946

Tạp chí Tri Tân ra đời sau khi chính phủ Pháp ở Đông dương, rập theo cuộc "cách mạng quốc gia" của chính phủ Vichy, do Pétain đề xướng, đã cho ban hành một chính sách "về nguồn", "hồi cứu", phục hưng các giá trị văn hoá quốc gia", chủ ý đánh lạc hướng tinh thần quốc gia Việt nam (1) đang chối dậy thêm mạnh trước các biên cớ chính trị khởi đầu bằng sự thất trận của Pháp ở chính quốc và tiếp đến là cuộc kéo quân của Nhật vào Đông dương.

Là cơ quan ngôn luận của nhóm Tri Tân mà danh hiệu được rút ra từ một câu trong Luận ngữ, tạp chí Tri Tân chuyên về sử học và văn học qua lập trường được minh định trong lời Phi lộ: "Ôn cũ ! Biệt mới. Nhằm cái đích ấy, Tri Tân riêng di con đường Văn hoá. Với cặp kính khảo cứu, Tri Tân lần dở (sic!) từng trang lịch sử. Bằng con mắt nhận chân và lạc quan Tri Tân ngó rộng "chân trời" trí thức (Tri Tân, số 1, tr.3).

Với số đầu tiên ra ngày 3.6.1941 và kết thúc với số 2 (16.7.1946) của Loại mới, cộng tất cả là 214 số, tạp chí Tri Tân quy tụ một số nhà văn của thế hệ Nam Phong, hoặc trẻ hơn một lớp, có tân học nhưng cũng thâm nhuần tinh thần nho học, nổi bật hơn hết là Ứng Hoà Nguyễn Văn Tô, một cây bút bác học và chi ly (2)

Phụ tá Trường Viễn đông bác cổ Pháp, Nguyễn Văn Tô là linh hồn của nhóm (3) cũng như Phạm Quỳnh tiêu biểu cho Nam Phong vậy.

(1) DURAND, Maurice et NGUYỄN TRẦN HUÂN. Introduction à la littérature vietnamienne. Paris, Maisonneuve Larose, 1969, p.127.

(2) PHẠM THÊ NGŨ. Lịch sử Văn học Việt nam tân biên giản ước. Tập III. Saigon, Phạm Thê, 1965, trang 616.

(3) - Nt - , tr.613, viết: "Cụ Nguyễn Văn Tô từ lâu ền mình trong một chuyên san của Hội Trí tri, nay xách túi sử và cây bút phê bình ra đứng đầu báo Tri Tân" nhưng ở trang 615 lại nói: "Người chủ bút là Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm".

Trái lại, M. Durand..., sách đã dẫn, tr.127 nói Nguyễn Văn Tô là chủ bút (directeur).

Chúng tôi nghĩ có lẽ Hoa Bằng là chủ bút vì bài ông luôn luôn đăng ở các trang đầu của tạp chí

Ông ngự trị trong suốt sự nghiệp Tri Tân, hầu như không có sớ nào không có bài của ông cả. Các bài ông viết để cập gần đủ mọi khía cạnh nhưng về những đề tài phải tra cứu trong các tài liệu cổ hoặc sách Pháp thì không ai hơn ông được, nhờ ông tinh thông chữ Hán lẫn chữ Pháp, và nhờ sử dụng từ sách của Trương Viên đồng bác cổ. Vì vậy những bài ông viết là những tài liệu rất quý đối với "những người không đọc được chữ nho..." (4)

Điểm đặc biệt của ông là không bao giờ quên ghi xuất xứ các tài liệu đã tham khảo, khiến Văn Mới của nhóm Hán Thuyên lấy đó làm đề tài chê giễu: "Cụ Ứng hoè thường có thói lấy tờ a, tờ b của những sách trong thư viện Bác cổ ra làm tiêu chuẩn để bẻ một câu này, bác một ý nọ của người khác viết..." (5). Và ông đã trả lời gọi: "Thói" ấy chính là "thói" khoa học mà Văn Mới thường nêu nhưng vì không biết sách - không nhớ sách hoặc không hiểu sách - nên Văn Mới làm không nổi..." (6)... Xem thế đủ biết việc dẫn sách là việc rất cần không những là đúng phép làm sử mà còn tránh được tiếng mượn không xin phép" (7).

Những loạt bài dài của ông, gồm có :

Tài liệu đề đình chính những bài văn cổ, khởi đăng từ số 19 (17.10.1941) rải rác đến số chót 212 (22.11.1945) của bộ cũ, trong đó ông phiên âm nhiều áng thơ văn nom thời Hồng đức và của Trịnh Căn, và chót hết là tài liệu về Kim Vân Kiều, từ số 63 đến số 212 (8);

Những ông nghề triều Lê (từ số 25, 28.11.1941 đến số 204, 13.9.1945) mà ông tham khảo cả Toàn thư, Khâm định, Thực lục, Liệt truyện, Hiền chương... ngoài Đăng khoa lục ra, để biên chép.

(4) NGUYỄN VĂN TÔ. Bốn bà công chúa có tiếng trong văn học, 113, 4.

(5) Không phải ông chỉ chính những người ngoài, mà ngay cả người của nhóm Tri Tân, như Hoa Bằng (Một nhân vật lịch sử đã làm những chuyện chuyện đất xoay trời sao lại không được chính sử nước ta chép đến, 149, 2-3) ông cũng không tha (Trong sử Nam không có ai là Lê Thiện cả, 151, 4, 20).

(6) Có lẽ vì ông quá nặng lời nên sau đó ông bị Văn Mới vu cáo là "đã thừng tay kết án tất cả những lời nói và hành vi của tất cả những chính đảng, những đoàn thanh niên, những báo chí từ sau ngày 9.3.1945 đến giờ..." (NGUYỄN VĂN TÔ. Truyện bá quốc ngữ với chồng nạn thất học, 193, 5).

(7) NGUYỄN VĂN TÔ. Tự vị thuộc tây. Trả lời Văn Mới nghị luận, 163, 4, 21. Sự chính trực trí thức này rất hiếm vào thời buổi bay giờ mà việc đạo văn thường xảy ra trong giới văn học.

(8) LÊ NGỌC TRỤ và BÙI CẨM. Thư mục về Nguyễn Du. Saigon, Bộ Giáo Dục, 1965, tr.106, ghi là "ngưng" sau số 188, 24.5.1945.

Việt Nam văn học sử (từ số 172, 23.12.1944 đến số 210, 1.11.1945) vừa phê bình cuốn "Việt Nam văn học sử yếu" của Dương Quảng Hàm, vừa góp thêm nhiều tài liệu rất quý;

Đại Nam đất sử (từ số 104, 22.7.1943 đến số 209, 25.10.1945) ghi chép tiểu sử các danh nhân lịch sử Việt Nam, từ Cù-Hậu, Lữ Gia đến Lý Cao-tông;

Hạnh Thục ca (từ số 192, 21.6.1945 đến số 212, 22.11.1945), một bản nôm của Trương Bắc cổ (số sách AB 193) mà ông sao ra quốc ngữ và chú thích, liên quan đến việc vua Hàm Nghi và Lương công chạy ra Quảng trị, năm 1885;

Tra nghĩa chữ nho (từ số 46, 13.5.1942 đến số 92, 22.4.1943) trong đó ông tham bác đủ sách Hán, Anh, Pháp để điểm cuốn "Tâm nguyên tự điển" của Lê Văn Hoè.

Tuy nhiên vì quá "bao sân" nên có bài ông bỏ dở dang (9) hoặc lập đi lập lại các điều đã nói ở chỗ khác.

Cây bút viết nhiều nhất sau Nguyễn Văn Tô, là Hoa bằng Hoàng Thúc Tram. Từ số 2 (10.6.1941) ông đã Thủ viết Việt Nam văn học sử, nhưng vì quá kỹ nên đến triều Lý Trần là thấm mệt, đành bỏ dở để quay sang những bài ngắn về đủ mọi vấn đề (10), trong đó có loạt bài về vua Quang Trung, mà sau đó được in thành sách.

Đặc biệt chỉ có ông viết một loạt bài về nhi đồng, cũng như Ngô Công về giấy bạc và Nguyễn Trọng Thuyết về khoa học ngữ.

Kề đến là Trúc-kê Ngô Văn Triện, Nhật-nham Trịnh Như Tầu, Song-côi, Phạm Mạnh Phan, Khai-sinh Dương Tự Quán, Nguyễn Triệu và Long-diễn Nguyễn Văn Minh (sử), Lê Thanh (văn), v.v.

Tác giả miền Trung, đặc biệt có Mãn-khánh Dương Kỳ, Ung Trình; miền Nam có Thọ-xuân Lê Văn Phúc, Khuông Việt và Phong Vũ (sử), Kiểu Thanh Quê và Mộng Tuyết (văn), v.v.

Ngoài ra, còn có các ông Tùng-vân Nguyễn Đôn Phục, Dương Bá Trạc và Nguyễn Nhuận (ba cây bút đã viết cho Nam Phong trước), Tiên-đạm Nguyễn Tường Phượng (chủ-nhiệm tạp-chí Tri Tân, kiêm luôn quản lý từ số 181 trở đi), Hải-am Trần Văn Giáp và Biệt-lam Trần Huy Bá (nhân viên Trương Bắc cổ cũng như Nguyễn Văn Tô), Vệ-thạch Đào Duy Anh, Dương Quảng Hàm, Đặng Thái Mai, v.v.

(9) Văn hoá vật chất, 106 đến 108

(10) "Ông Hoa Bằng (inh ỉnh) quả là một nhà học giả, cái gì cũng biết: nay nhé: luận thuyết này, tiểu thuyết này, trào phúng này, thơ nữa này (dù là thơ gạch dưng)... (S.T. "Gừng là hoa cả nhưng... chỉ có một bông thơm". Trung Bắc chủ nhật, 119, 19.7.1942, tr.22).

Đền nay các bài khảo cứu về nguồn gốc văn học, về cổ sử và phong tục vẫn còn là một kho tài liệu rất hữu ích.

Nhận thấy giá trị của tờ Tri Tân không kém gì tờ Nam Phong mà nó tiếp tục ở khu vực văn học (11), và điểm giống nhau giữa hai tạp chí (12) nên chúng tôi không quên công làm Mục lục này, một phần để giúp tra cứu nhanh chóng và một phần để bồi bổ ngành thư tịch Việt Nam quá nghèo nàn (13).

Hiện nay, theo chỗ chúng tôi biết, ít người có được đủ bộ Tri Tân — có thể nói là không có ai nữa — vì từ sau ngày Nhật đảo chính, tình hình đã bắt đầu khốn trương lên, thông thường bị gián đoạn. Tri Tân nghỉ gần nửa năm sau số chót của bộ cũ (212, 22.11.1945) để rồi chỉ ráng thêm được 2 số của Loại mới (6.6.1946 và 16.7.1946). Chính Tổng Thư viện cũng thiếu các số 174-178, chúng tôi phải phối hợp 2 bộ của Tổng Thư viện và Viện Khảo cổ để làm mục lục này mà chúng tôi sẽ nêu lý do trình bày dưới đây.

Vì tính cách đặc biệt của các bài quá dài trong Tri Tân, chẳng hạn như bài Những ông nghề triều Lê, mà mỗi số có khi có đến mấy chục tên phải ghi vào phiếu nên chúng tôi chọn phương pháp làm một Mục lục tác giả (14) có đánh số thứ tự để tham chiếu qua Bảng dẫn đề mục theo mẫu tự (15) thay vì một Mục lục đề tài.

(11) PHAM THÈ NGŨ, sách đã dẫn, tr. 617.

(12) — Nt — tr. 620 : "Kút lại vấn đề đặt ra lại là những vấn đề của Nam Phong ngày trước : Vấn đề duy trì và thái độ ...".

(13) Để giúp các nhà sưu tầm có tài liệu tham khảo, thiết nghĩ cần phải có loại thư tịch đại cương về sách và mục báo liên quan đến Việt-nam, như bộ Bibliographie de l'Indochine française, của P. BOUDET và Rémi BOURGEOIS. đã làm đến năm 1935. Thiết tưởng Nha Văn khố và Thư viện Quốc gia nên sớm tiếp tục phần còn lại (1936-1967) có thể chia ra từng thời kỳ (1936-1945 : chấm dứt thời Pháp thuộc; 1946-1954 : giai đoạn chiến tranh Việt-Pháp; 1955-1967 : thời kỳ nền Đệ nhất Cộng hòa) để các học giả ngoại quốc khỏi phải than phiền là thiếu thư tịch tổng quát liên quan đến Việt-nam từ 1936 (ÉCOLE PRATIQUE DES HAUTES ÉTUDES. Annuaire 1968/1969. IV<sup>e</sup> Section: Sciences historiques et philologiques. Paris, à la Sorbonne, 1969, p.509).

(14) Loại này uyển chuyển hơn loại đánh số thứ tự các bài trong mục lục đề tài rồi tham chiếu qua Bảng dẫn tác giả, vì có thể ghi gọn gàng càng nhiều đề mục mà một bài có thể có.

(15) Giống như Index mà ROLAND-CABATON soạn cho Bibliotheca Indosinica. (publ. de l'EFEO, XVIIIbis)

Trong mục-lục tác-giả, chúng tôi cũng sắp các tác-giả theo họ hoặc biệt hiệu, giống như trong Mục-lục phân tích tạp chí Nam Phong 1917-1934, do L.M. NGUYỄN KHÁC XUYỀN soạn (Saigon, Bộ Văn-Hoa Giáo-Dục, 1963, 461 trang). Nếu một tác giả để cả bút hiệu lẫn họ tên thì chúng tôi tham chiếu bút hiệu của họ tên, còn nếu chỉ để bút hiệu không thôi, hoặc thường hơn thì chúng tôi để bút hiệu, hoặc tham chiếu họ tên qua bút hiệu.

Sang phần môn loại, với lời làm Bảng dẫn, độc giả có thể tìm thấy ngay, ví dụ, tên một nhân vật, một địa danh, một bài thơ bài văn mà không phải tra lâu lắt ở mục tiêu sử, địa dư, thi ca, văn chương như trong lời làm mục lục để tài. (16).

Sau tiêu đề, độc giả sẽ tìm thấy số thứ-tự tác-giả, / số thứ tự bài báo (nếu có), số tạp chí (có gạch đứt) (17) số trang, và số cước chú (để trong ngoặc, nếu có). và thêm

Công việc làm thư tịch là một công việc tẻ nhạt và mất nhiều thời giờ nên mục lục này khó tránh được sai lầm, chúng tôi xin cáo lỗi trước cùng độc giả.

Đ.V.A.

---

(16) Tham chiếu : P.B. LAFONT. Bibliographie du Laos. Paris, École Française d'Extrême-Orient, 1964, và TRẦN THỊ KIM-SA. Mục lục phân tích tạp chí Việt-ngữ 1954-1964. Saigon, Học-Viện Quốc-Gia Hành Chánh, 1965; và Bibliography on Vietnam 1954-1964. Saigon, National Institute of Administration, /1965/

(17) Đối với những bài dài đăng trên nhiều số.



1-ÁI LANG

1-Triển vọng của văn học phụ nữ Việt Nam hiện đại, 113, 23.9.41, 17-19.

2-Bí quyết của sự thành công, 121, 18.11.43, 18-19.

2-ÁI LANG và BÍCH CẦU

1-Một giai thoại tặng các nhà viết sử, 115, 7.10.43, 6, 20.

2-Thanh niên và nghị lực, 119, 4.11.43, 18-19.

3-ÁI MỘ, Tề sông một giờ, 190, 7.6.45, 13.

4-AN SƠN TỬ

1-Nói qua về cao đẳng Hán học viện ở Paris, 16, 26.9.41, 7, 20; 18, 10.10.41, 7, 20.

2-Kỹ thuật với việc kiến thiết quốc gia, 198, 2.8.45, 1, 14.

5-ANH ĐÀO, Ca dao mới, 158, 14.9.44, 3.

6-ANH ĐỘ, Say sưa, 19, 17.10.41, 11.

7-ANH HẬN, xem : GAUTHIER (T.)

Thanh xuân, 34, Xuân Nhâm ngọ, 16.

8-ANH NGẪU, Cuộc hát trống quân giữa trai Xuân-cầu và gái Khúc-lộng, 19, 17.10.41, 10.

9-ASECCOURFI, Một cuộc đồ tập Kiêu, 108, 19.8.43, 9.

10-ÂU DƯƠNG TU

1-Viền sơn - Núi xa, Nguyễn Hữu Trí dịch, 157, 7.10.44, 12.

2-Thu thịnh phú, Hi-đạm Nguyễn Hữu Trí dịch, 160, 28.9.44, 12, 1



11-BÁCH THẢO SƯƠNG Tiên nữ

1-Chim yến ở Ô-y-hạng, 47, 20.5.42, 4.

2-Thơ Đường ở Nhật bản, 49, 3.6.42, 12, 16; 53, 7.7.42, 7-8; 57, 4.8.42, 18-19; 70, 3.11.42, 9; 71, 10.11.42, 9, 16; 72, 17.11.42, 9.

3-Sở mệnh một con chim non, 169, 7.12.44, 10, 16.

12-BẠCH CỬ DI, Trì thượng - Trên ao, Hoa Bằng [dịch và chú giải], 11, 22.8.41, 11-12.

13-BẠCH ĐIỆN

1-Đề nâng đỡ văn hoá trong lúc giầy khan và đất này, 1, 3.6.41, 10.

2-Lịch sử tư nhân tạo, 3, 17.6.41, 21-22.

3-Cảnh cụ Tết năm nay, 81-82, 28.1.43, 19.

4-Thân oan cho thơ Hồ Xuân Hương, 112, 16.9.43, 16-17.

5-Thơ Hồ Xuân Hương, 139, 20.4.44, 3.

4-4-2

## 14- BẢO VÂN

- 1- Về quê, 3, 17.6.41, 19-20.
- 2- Đồng thiệp, 7, 18.7.41, 19-20.
- 3- Bên đò xưa, 10, 8.8.41, 7.
- 4- "Trống" đối với "Cồng", 10, 8.8.41, 9.
- 5- Đốc Đen qua mây bài văn tế, 15, 19.9.41, 11.

BIỆT LAM, xem : TRẦN HUY BÁ

15- BÍCH AN, Bên hoa, 88, 25.3.43, 7.

BÍCH CẦU, xem : ÁI LANG.

## 16- BORNEI, Georges

Một cuộc săn hàng lậu, Nguyễn Huyền Tĩnh dịch, 172, 28.12.44, 8, 20.

## 17- BÙI KỶ

- 1- Lễ truy điệu Dương Bá Trạc, 183, 19.4.45, 8, 12.
- 2- Nhân ngày giỗ cụ Phan Tây-hồ : Mây văn khảm khải, 183, 19.4.45, 12.

18- BÙI THỨC ĐOAN, Thu dạ lũ hoài, 7, 18.7.41, 8.19- BÙI THỨC ĐOAN và VÕ VĂN DUY, Cảm hứng, 7, 18.7.41, 8.20- BÙI TRÌNH KHIÊM, Tô tôm phú, 34, Xuân Nhâm Ngọ, 18.

## 21- BÙI VĂN LĂNG

- 1- Đặng Đức Siêu (1750-1810), 12, 29.8.41, 4, 21.
- 2- Thành Đồ-bàn, 12, 29.8.41, 4, 21.

## 21- BỬU KÊ

- 1- Đòi vui, 23, 19.12.41, 11.
- 2- Đi thuyền, 32, 21.1.42, 9.
- 3- Ly biệt, 46, 13-19/5/42, 23.
- 4- Vô duyên, 47, 20.5.42, 11.
- 5- Trăng lên, 48, 27.5.42, 17.

22- C.N., Nhật đèn thề là cùng, 199, 9.8.45, 20.23- CÀ HỒ, Bưởi chuối ngự nam, 1, 3.6.41, 21.

## 24- CÁCH CHI

- 1- "Que lên voi a !", 1, 3.6.41, 11.
- 2- Gửi chàng ở lại em sang thuyền người, 2, 10.6.41, 20.
- 3- Tặng nông thơ - "Sông hè", 5, 1.7.41, 5.
- 4- Chiều hè, 7, 18.7.41, 8.
- 5- Một ngày thăm vùng Hạ-long, 11, 22.8.41, 9.
- 6- Tranh giải quán quân quết nhà, 12, 29.8.41, 20.
- 7- Chiều thu, 15, 19.9.41, 9.
- 8- Giảng đông, 28, 19.12.41, 11.
- 9- Về Tết, 34, Xuân Nhâm Ngọ, 23.
- 10- Cảnh lộc đầu xuân, 34, Xuân Nhâm Ngọ, 44.
- 11- Ngày xuân, 43, 15.4.42, 19.
- 12- Giảng non, 54, 8.7.42, 13.
- 13- Vui thú điển viên, 60, 19.8.42, 18-19.

- 14- Lam-sơn quang phúc, 65, 23.9.42, 11.  
 15- Cảnh tà dương, 66, 30.9.42, 22.  
 16- Giăng thu, 67, 7.10.42, 15.  
 17- Trăng rừng, 69, 21.10.42, 9.  
 18- Trăng Hồ Gươm, 71, 4.II.42, 16.  
 19- Xem thơ, 81-82, 28.I.43, 9.  
 20- Vịnh Lý Ông Trọng, 98, 3.6.43, 3.  
 21- Thăm đền Kiếp, 133, 9.3.44, 16.  
 22- Khát thực ca, 184, 26.4.45, 8.
- 25- CÁCH CHI và MANH PHAN, Tri Tân đi thăm Đông-dương học xá, 119, 4.II.42, 12-13.
- 26- CAO CƯỜNG  
 1- Kịch Kinh-Kha do ban Thề Lũ trình bày, 116, 14.IO.43, 16-19.  
 2- Tinh thần chiến đấu đời Trần, 206, 4.IO.45, 12-13.
- 27- CÂY THÔNG, xem : HOA NAM  
 1- Học thêm, 32, 21.I.42, 19-20.  
 2- Xuân về, 34, Xuân Nhâm ngọc, 8.  
 3- Nỗi lời Ông Khuông Việt : Vấn đề lập quốc-học-viện, 40, 25.3.42, 19.  
 4- Nên luyện cho trẻ em tập đọc quốc văn, 43, 15.4.42, 4.  
 5- Ban kịch Hà-nội với "Thề chiến quốc, Bông giai nhân", 68, 14.IO.42, 16.  
 6- Thương, 75, 10.I2.42, 22-23.  
 7- Xem diễn kịch "Đống bệnh" và "Vân Muội", 77, 24.I2.42, 10-11.  
 8- Xuân tứ, 81-82, 28.I.43, 31.
- 28- CẨM LAI (Cô)  
 1- Buổi tối, 43, 15.4.42, 19.  
 2- Khách ngan phương, 46, 13-19/5/42, 23.  
 3- Một chiều hè, 48, 27.5.42, 17.  
 4- Dặn dò, 49, 3.6.42, 15. (Thơ)  
 5- Đồng chiêm nắng gọi, 53, 1.7.42, 20.  
 6- Chiều thôn dã, 54, 8.7.42, 16.  
 7- Vườn trưa, 55, 15.7.42, 20.  
 8- Sáng đồng que, 56, 22.7.42, 11.  
 9- Cơn giông, 59, 12.8.42, 7.  
 10- Vườn hoang, 60, 19.8.42, 14.  
 11- Núi Hồng-Lãnh (thơ), 63, 9.9.42, 18.  
 12- Tàn tạ, 69, 21.10.42, 16.  
 13- Đường làng, 80, 14.I.43, 16.  
 14- Bông ai, 81-82, 28.I.43, 34-35.  
 15- Tết thôn quê, 175-178, 1.2.45, 2.  
 16- Hoàng hôn, 198, 2.8.45, 4.
- 29- CÔ LÝ  
 1- Đòn "Bạc-dê", 200, 16.8.45, 16.  
 2- Ai là con lòng ma, 201, 23.8.45, 15.  
 3- Tôi không trạng tiêng ta, 203, 6.9.45, 20.  
 4- Một bản an ký dị, 210, 1.11.45, 17.

## CỔ ĐỘ, xem HỒ THÍCH

- 30- CỤC HƯƠNG, Văn tề Hai Bà Trưng, Sở Cường  
sao lục, 38, II.3.42, 16.
- 31- Cuộc thi văn chương bình-dân thư-viện, 187, I7.5.45, 17.
- 32- Chánh-phủ Việt-nam Dân-chủ Cộng-hoà lên tiếng gọi, 206, 4.I0.45,  
10-11.
- 33- CHÉNIER( André), La jeune captive - Lao trung thiêu nữ thán,  
Cách-chi phiên dịch, 55, I5.7.42, 21.
- 34- CHU THIÊN
- 1- Bà quận Mỹ, 2, 10.6.4I, 11; 3, I7.6.4I, 17-18; 4, 26.6.4I,  
19-20; 5, 1.7.4I, 21-22; 6, 8.7.4I, 19-20; 7, 18.7.4I, 22-  
23; 8, 25.7.4I, 22-23; 9, 1.8.4I, 22-23; 10, 8.8.4I, 22-23;  
11, 22.8.4I, 22-23; 12, 29.8.4I, 22-23; 13, 5.9.4I, 2I-22;  
14, I2.9.4I, 2I-22; 15, I9.9.4I, 22-23; 16, 26.9.4I, 2I-22;  
17, 3.I0.4I, 14; 18, 10.I0.4I, 2I-22.
  - 2- Bà Lương giết giặc Minh hạ thành Cổ-lộng, 2, I0.6.4I, 17-20.
  - 3- Thoát cung vua Mạc, 26, 5.I2.4I, 2I-22; 27, I2.I2.4I, 22-23;  
28, 19.I2.4I, 2I-22; 29, 26.I2.4I, 2I-22; 30, 7.I.4I, 2I-22;  
31, I4.I.42, 2I-22; 32, 2I.I.42, 2I-22; 33, 28.I.42, 2I-22;  
36, I6.2.42, 2I-22; 37, 25.2.42, 2I-22; 38, 4.3.42, 2I-22;  
39, 24.3.42, I9-20; 40, 25.3.42, 2I-22; 41, 8.4.42, 2I-22;  
43, I5.4.42, 2I-22; 44, 22.4.42, 2I-22; 46, 13-19/5/42, 2I-  
22; 47, 20.5.42, 2I-22; 48, 27.5.42, 2I-23.
  - 4- Một buổi sáng ở trường học chữ nho xưa, 27, 12.I2.4I, 11.
  - 5- Buổi học cuối năm, 34, Xuân Nhâm ngo, 38-39.
  - 6- Mẹ hiền con hiếu : Hoài tưởng vị anh hùng động Hoa-lư, 41,  
I.4.42, 17, 20.
  - 7- Tiếng cửi đêm khuya, 49, 3.6.42, 22-23.
  - 8- Một lời thử tài học trò xưa : một lão cố điền, 51, I7.6.42,  
22-23.
  - 9- Trúc mai xum họp, 52, 2.6.42, 22-23; 53, 1.7.42, 22-23; 54,  
8.7.42, 22-23; 55, 15.7.42, 22-23; 56, 28.7.42, 22-23; 57,  
29.7-4.8.42, 22-23; 58, 5.8.42, 22-23; 59, I2.8.42, 22-23;  
60, I9.8.42, 22-23; 61, 26.8.42, 22-23; 62, 2.9.42, 22-23;  
63, 9.9.42, 22-23; 64, I6.9.42, 2I-22; 65, 23.9.42, 2I-22;  
66, 30.9.42, 20; 67, 7.I0.42, 22-23; 68, I4.I0.42, 22-23;  
69, 2I.I0.42, 22-23; 70, 28.I0.42, 22-23; 71, 4.II.42, 22-23;  
72, II.II.42, 22-23.
  - 10- Đức Trần Hưng Đạo, 64, 16.9.42, 16.
  - 11- Gia đình và thân thể vua Lê Thái-tổ, 65, 23.9.42, 9, 17.
  - 12- Phê bình "Việt-nam thi ca luận" của Lương Đức Thiệp, 80,  
I4.I.43, 8, 19.
  - 13- Học trò đến lễ tết thầy, 81-82, 28.I.43, 42-45.
  - 14- Cháy cung Chương Võ, 108, I9.8.43, 22-23; 109, 26.8.43, 22-  
23; 110, 2.9.43, 22-23; 111, 9.9.43, 22-23; 115, 7.I0.43,  
22-23; 116, I4.I0.43, 22-23; 117, 2I.I0.43, 22-23; 118, 28.  
I0.43, 22-23; 121, I8.II.43, 22-23; 122, 25.II.43, 22-23;

123, 2.I2.43, 22-23; 124, 9.I2.43, 22-23; 125, 30.I2.43, 22-2  
129, 10.2.44, 22-23; 130, 17.2.44, 22-23; 131, 24.2.44, 22-23  
132, 2.3.44, 22; 136, 30.3.44, 22-23; 137, 10.4.44, 22-23; 13  
13.4.44, 22-23; 139, 20.4.44, 22-23; 140, 27.4.44, 22-23; 141  
4.5.44, 22-23; 142, 11.5.44, 22-23; 143, 25.5.44, 22-23; 144,  
1.6.44, 22-23; 145, 8.6.44, 22-23.

15- Nơi sinh của vua Lê Thành-tông, 118, 28.I0.43, 10-11.

35- CHÚC NHÂN, Ngày xuân ở ấp Na-quán, 81-82, 28.I/43, 2.



/-4-2

36- DƯƠNG BÁ TRẠC,

1- Tiểu sử vua Quang Trung, 35, 18.2.42, 4, 23.

2- Bình luận và vịnh Nhị Trưng, 38, II.3.42, 15.

3- Bình luận vua Đinh bằng mấy vần thơ, 41, I.4.43, 16.

37- DƯƠNG ĐỨC HIỂN, Thắng hẳn mình rồi tự nhiên thắng người : Riêng dân tộc Việt-nam đã hiểu rõ lẽ đó trước cuộc xam lăng ác liệt của người Mông Cổ, 64, 16.9.42, 5-8.

38- DƯƠNG KỶ

1- Một bức thư Huệ, 56, 22.7.42, 9.

2- Tháng 7 năm quý mao 1783 Chúa Nguyễn Ánh có chạy thâu Côn-lôn : 73, 18.II.42, 14; 74, 25.II.42, 18-20.

3- Hai xuan canh liệt của dân tộc Việt-nam, 83, 18.2.43, 4-5; 84, 25.2.43, 12-13.

4- Lực xét nguyên nhân sự bại vong của nước Chiêm-thành và những ảnh hưởng của người Chiêm mà dân tộc ta đã chịu, 92, 22.4.43, 6, 19; 94, 6.5.43, 14-16.

5- Chuyện xưa Chàm Cadôp và Cadoek, 99, 10.6.43, 14-15.

6- Indrapura, 107, 12.8.43, 14-15; 108, 19.8.43, 18-19; 109, 26.8.43, 14-17; 110, 2.9.43, 10-11, 14-15.

7- Thiên-y-a-na, 121, 18.II.43, 14-15; 122, 25.II.43, 18-20.

8- Đôi lời bèn/vẽ bả công chúa An-Thường, 124, 9.I2.43, 6, 19; 125, 30.I2.43, 18-20.

9- Nhận Tết đèn chúng tôi nói tới : Từ tinh thần quốc gia của nước Việt-nam đến sự thống nhất của nước ấy, 126-127, Xuan Giáp than, 10, 38; 128, 3.2.44, 6, 14.

10- Đôi cặp chữ, 138, 13.4.44, 8-9.

11- Hai xuan đánh Cham, hay là làn sóng nam tiến đầu tiên của dân tộc Việt-nam, 175-178, I.2.45, 14, 39.

12- Từ việc chằm câu đèn đôi cái lăm của nhà sử học G. Maspéro 195, 12.7.45, 3-4, 14-15.

39- DƯƠNG QUẢNG HÀM

1- Nguồn gốc quyền truyện Kiều của Nguyễn Du, 4, 24.6.41, 3, 2.

2- Bài phú Sông Bạch-đăng, Trương Hán Siêu soạn, Nguyễn Hữu T. dịch, Dương Quảng Hàm dẫn giải và chú thích, 17, 3.I0.41, 21-22.

3- Một vấn đề văn học sử nước ta : Ai sửa quyền Lạc Văn tiên của Nguyễn Đình Chiểu, 105, 29.7.43, 2, 20.

0- DƯƠNG TỰ QUÂN, xem : PHAN BỘI CHÂU

- 1- Hoa-kỳ với Đức, 8, 27.7.41, 11.
- 2- Cảnh kén vợ của ông Ulysse Grant, tổng thống Mỹ trước, 15, 19.9.41, 14.
- 3- Hưng-đạo vương đã đem quân đi trên cành cây qua một khu rừng, 17, 3.10.41, 18.
- 4- Nghĩa vụ, 34, Xuân Nham ngộ, 30-32.
- 5- Ngày xuân ngắm thơ cổ, 35, 18.2.42, 16.
- 6- Cọ Tân với cọ Trú, 37, 4.3.42, 11.
- 7- Thăm cảnh Hoa-lư, 41, 1.4.42, 21, 23.
- 8- Giới thiệu "Légende des terres sereines" của Phạm Duy Khiêm, 85, 4.3.43, 13.
- 9- Kimiko, 85, 4.3.43, 12-13; 86, 11.3.43, 12-14.
- 10- Một bậc chí sĩ đời Lê mạt : ông Trần Danh Ấn, 131, 24.2.44, 10-11, 14-16.
- 11- Xét việc làm ruộng của ta trong các câu ca dao, 148, 29.6.44, 17, 20.
- 12- Ít thơ trào phúng của Nguyễn Văn Giai, 157, 7.9.44, 16, 21.
- 13- Nhận ngày hội nghị giáo khoa toàn quốc do hội truyền bá quốc ngữ Hà-nội tổ chức, 153, 3.8.44, 17.
- 14- Ngẫu hứng, 163, 19.10.44, 3.
- 15- Một bậc danh nhân đời Nguyễn sơ : Đào Duy Từ, 163, 19.10.44, 10-11; 164, 26.10.44, 12-13; 165, 2.II.44, 6-7; 166, 16.II.44, 8; 168, 30.II.44, 12-13.
- 15- Hai ông Phan Bội Châu, Lê Đại với tập Hải ngoại huyết thư, 185-186, 10.5.45, 12, 36.
- 16- Hà thành nhâm ngộ lục, 208, 18.10.45, 7, 10-11; 209, 25.10.45, 12-15.



1- ĐÁI ĐỨC TUẦN

- 1- Qua Loa-thành cảm để, 24, 26.II.41, 11.
- 2- Trưng nữ-vương, 25, 23.II.41, 11.

2- ĐẠI-VIỆT QUỐC-GIA LIÊN-MINH

- 1- Lễ kỷ niệm Nguyễn Thái Học và các đồng chí tại Hà-nội, 191, 14.6.45, 16.
- 2- Văn tế các anh hùng tuần quốc, 192, 21.6.45, 10-11.

3- ĐẠM QUỐC THANH, Tân-sử, một kinh đô mới dưới triều vua Hàm Nghi, 32, 21.I.42, 8.

4- ĐAN TÂM, Sự để phòng của một nhà xuất bản, 86, 11.3.43, 19.

5- ĐAN TIẾP

- 1- Tiên xuân, 128, 3.2.44, 9.
- 2- Chim én vào thuyền, 140, 27.4.44, 3.

6- ĐÀO ANH TỰ, Thư gửi cho bạn nhắc nhở đến danh nhân Việt-nam xưa, 64, 16.9.42, 14-15.

## 47- ĐÀO DUY ANH

- 1- Mẹo tiếng ta, 2, 10.6.41, 21-23.
- 2- Phác sơ về mẹo tiếng ta, 4, 24.6.41, 16; 5, 1.7.41, 23; 10, 8.8.41, 10-11; 13, 5.9.41, 19-20; 14, 12.9.41, 19-20; 15, 19.9.41, 17-19. 3-4;
- /thêm 3- Bản/vẽ lại lịch sách Kim Vân Kiều, 6, 8.7.41, /21-22.
- 4- Nguyễn-Trường Tô học ở đâu? 7, 18.7.41, 3, 23.
- 5- Truyền thuyết đời thượng cổ nước Tàu, 24, 21.II.41, 3-4.
- 6- Truyền thuyết đời thượng cổ nước ta, 30, 7.I.42, 2-4.
- 7- Cái chết của Trần Tiên Thành, 61, 26.8.42, 6-7; 62, 2.9.42, 3-4.
- 8- Văn tả người và tả cảnh trong Đoạn trường tân thanh, 74, 25.II.42, 3-7. -4.2.
- 9- Xuân của Nguyễn Du, 81-82, 28.I/43, 10-11.
- 10- Hoa Tiên truyện, 86, II.3.43, 3-5; 87, 18.3.43, 8-9, 15; 88, 25.3.43, 18-19.
- 11- Nguồn gốc Hoa Tiên ký, 91, 15.4.43, 2-3; 92, 22.4.43, 10-11 15; 93, 29.4.43, 10-11, 17.
- 12- Nguyễn Du viết Đoạn trường tân thanh vào lúc nào, 96, 20.5.43, 6-7.
- 13- Dịch sách xưa, 114, 30.9.43, 2, 23.
- 14- Nhà Thục và nhà Triệu, 126-127, Xuân Giáp thân, 6-7, 37; 128 3.2.44, 10-11.

48- ĐÀO ĐĂNG VỸ, Một cơ-quan nghiên-cứ quốc học, 42, 8.4.42, 23.

## 49- ĐÀO TRỌNG ĐU

- 1- Cách xếp đặt chữ nho trong tự-điển, 55, 15.7.42, 7-8, 17; 60, 19.8.42, 17, 20; 64, 16.9.42, 20; 68, 14.10.42, 14-15; 70, 28.10.42, 17; 72, II.II.42, 15-16; 78, 31.I2.42, 17-19; 79, 7.I.43, 12-13; 86, II.3.43, 10.
- 2- Bản tính thiên địa biểu, 96, 20.5.43, 16-17.
- 3- Bản góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam, 129, 10.2.44, 10-11; 21 137, 6.4.44, 8-9, 17; 142, II.5.44, 14-17; 146, 15.6.44, 18-2 152, 27.7.44, 12-13, 20; 158, 14.9.44, 16-17; 159, 21.9.44, 10-11; 168, 30.II.44, 14-15; 170, 14.I2.44, 14-15; 172, 28. I2.44, 6-7; 181, 29.3.45, 8, 13, 17; 192, 21.6.44, 16-17.
- 4- Tết...nhật, 179, I.3.45, 17.

50- ĐẶNG DUNG, Cẩm hoài, Lãng-ngâm tứ dịch, 102, 8.7.43, 18.51- ĐẶNG ĐỨC SIÊU, Văn tế pho-ma Võ Tánh và thượng thư Ngô Tùng Chu. Ứng-hoè dịch trong Tài liệu..., 30, 7.I.42, 5.52- ĐẶNG HUY TRÚ, Thành nhà Hồ, Hoà Trai dịch, 190, 7.6.45, 8, 13.

## 53- ĐẶNG THÁI MAI

- 1- Phân tích bài hịch Hưng-đạo vương dụ gia tướng, 17, 3.I0.41, 19-20.
- 2- Ý nghĩa nhân sinh trong truyện cười nước ta ngày xưa, 81-82, 28.I/43, 12 I3; 83, 18.2.43, 8-9, 15. -4.2.

- 4- ĐÌNH GIA THUYẾT, xen: LÝ THÁI TÔN, MẶC ĐÌNH CHI, NGUYỄN TRÃI, TRẦN NHÂN TÔN, TRẦN THAI TÔN, TRẦN THÁNH TÔN
- 1- Tiểu sử các tên phò Hồ-nội, Loại mới, số 2, 16.7.46, 13.
  - 2- Mấy chuyện lý thú trong làng khoa cử cũ: Thần-khẩu linh-linh, 27, 12.12.41, 10, 16.
  - 3- Ba mươi sáu cái xuân tình (tập Kiều), 34, Xuân Nhâm ngọ, 2-3.
  - 4- Ba nghề sáu tiên, 37, 4.3.42, 23.
  - 5- Bia kỷ niệm công đức ở đền thờ vua Đinh Tiên-hoàng, 43, 15.4.42, 8, 20.
  - 6- Một buổi đi thăm làng Dừa, 116, 14.10.43, 18-19; 117, 21.10.43, 20-21.
  - 7- Xuân, 133, 9.3.44, 22.
  - 8- Ngẫu thành (dịch thơ Nguyễn Trãi), 139, 20.4.44, 9.
  - 9- Lời chào cờ, 185-186, 10.5.45, 13.
  - 10- Lời hiệu triệu các bộ lão, 193, 28.6.45, 6.
  - 11- Ai là tác giả "Bồ thần quốc âm ca", 205, 20.9.45, 6.
  - 12- Một trạng nguyên dưới triều Tự-đức: Vũ Duy Thanh (1807-1859), 211, 8.II.45, 10-11.
  - 13- Kháng chiến ca, 211, 8.II.45, 10-11.
- 5- ĐÌNH LANG, Mặc ai muốn nói thề nào, Loại mới, 2, 16.7.46, 2.
- 6- ĐÌNH PHÁT, Trăng lên, 122, 25.II.43, 21.
- 7- ĐOÀN NÔNG, Bàn về chữ "bội", 163, 19.10.44, 6-7.
- ĐOÀN VĂN PHƯƠNG, Vợ tề chồng (tập Kiều), xem: Nguyễn Văn Tô, Thài liệu..., 63, 9.9.42, 7.
- 8- ĐỖ GIANG, Đầu phải là sự mới phát kiên của vôi ông ấy, 30, 7.I.42, 15-16.
- 9- ĐỖ HOANG LẮC
- 1- Trận giết Liễu Thăng, 65, 23.9.42, 14-16.
  - 2- Tục hoá táng của người Thổ, 97, 27.5.43, 14-16, 19.
- 0- ĐỖ HUY NHIỆM, Đẹp, 1, 3.6.41, 4.
- ĐỖ MỤC, Thăm bạn cui điển Trương Minh PHỦ, xem: Nguyễn Đôn Phục, Nam đàn..., 73, II.II.42, 17.
- 1- ĐỖ PHỮ
- 1- Dã vọng, xem: Hoa bằng, Ngoài đồng xe trông
  - 2- Khúc giảng - Gặp mưa cơm tác, xem: Nguyễn Đôn Phục, Nam đàn...,
  - 3- Đăng lâu, xem: Nguyễn Đôn Phục, Nam đàn..., 75
  - 4- Đăng lam, xem Trúc Khê, Dịch thơ Đường
  - 5- Khương thôn, xem: TRÚC KHÊ, Dịch thơ Đường
  - 6- Vịnh hoài cổ tích, xem: TRÚC KHÊ, Dịch thơ Đường
  - 7- Lũ dạ thu hoài, xem: -nt-
  - 8- Trung thu, xem: PHẢI GIANG, Dịch thơ Đường
  - 9- Hoài cổ, Thượng-cốc dịch, 194, 5.7.45, 15.
- 2- ĐỖ THỰC (Thịnh-quang)
- 1- Một kiên giải về văn thơ tiếng ta, 76, 17.12.42, 16; 77, 24.12.42, 17; 78, 31.12.42, 16-17.
  - 2- Một kiên giải về văn để dịch sách, 88, 25.3.43, 14-15; 89, I.4.43, 9; 90, 8.4.43, 16-17; 91, 15.4.43, 14, 23; 92, 22.4.43, 18, 23.

- 3- Hậu lai cách trí (L'avenir de la science, của RENAN), 109, 26.8.43, 12-13; 110, 2.9.42, 12, 21; 111, 9.9.43, 12, 21.
- 4- Bàn góp phép công, 212, 22.II.45, 10, 15.
- 63- ĐÔNG CHI  
1- Chiều về, 144, I.6.44, 9.  
2- Chiều thu, 161, 5.IO.44, 2.  
3- Gió heo may, 207, II.IO.45, 3.
- 64- ĐÔNG HỒ  
1- Đêm liêu trai, 172, 28.I2.44, 3.  
2- Một câu đời Tết giữa thành phố Saigon, 175-178, I.2.45, 146.
- 65- Đông bào hãy nên bình tĩnh, 206, 4.IO.45, 13.
- 66- ĐỨC GIANG, Hữu cảm, 5, I.7.4I, 5.  
ĐỨC VƯƠNG, xem : Thuận Thuận
- 67- Được vượt khỏi những nỗi khó khăn hiện tại, Đông Pháp phải có một nền kinh tế chỉ huy : Những nền móng cho nền kinh tế mới đó (Điện Tín), 15, 19.9.4I, 21, 23.

## G

- 68- GAUTHIER (T.), La dernière feuille - Chiếc lá cuối cùng, Anh Hận dịch, 30, 7.I.42, 14.
- 69- GIẤM CHI, xem : ĐỖ PHÚ  
1- Chiều, 66, 30.9.42, 22  
2- Đêm sang... em nhẹ (thơ), 67, 7.IO.42, 15.  
3- Chia tay, 108, 19.8.43, 10.  
4- Chiều rừng, 108, 19.8.43, 12-13.  
5- Đêm hè, 111, 9.9.43, 20.  
6- Họp bài "Ngẫu đề" của bà Văn Đài, 139, 20.4.44, 9.  
7- Thu từ, 160, 28.9.42, 2.  
8- Thu cùng trường tín, 161, 5.IO.44, 4.  
9- Đôi trà bạch, 175-178, I.2.45, 33, 40.

## H

- 70- H.T.  
1- Nhân đọc một bài báo Tàu : Sách giáo khoa của ta cần phải thống nhất từ ngữ, 188, 24.5.45, 4-5.  
2- Giới thiệu ngoại văn, 190, 7.6.45, 9.  
HÀ ĐÔNG Hi an thị, xem : NGUYỄN ĐÔN PHỤC
- 71- HÀ TIÊN CÔ, Khóe tập hương đờn chén trùng phùng, 14, 12.9.4I, 11.
- 72- HẢI LONG  
1- Xa thuê; xá thuê; 207, II.IO.45, 7, 14.  
2- Sao lại Annonite mà không Vietnamien, Loại mới, số 2, 16.46, 9.  
3- Sử liệu : 2- Di văn của cụ Phan Bội Châu, Loại mới, số 2, 16.7.46, 16.

## 72- HẢI TRẦN

- 1- Phụ nữ Việt-nam trong văn chương Việt-nam, 112, 16.9.43, 6-7.
- 2- Đời cô Việt nữ qua mở ca dao, 147, 22.6.44, 21-23.

73- HÁN VŨ ĐỀ, Thu phong tử, Lăng-ngâm tứ dịch, 117, 21.10.43, 3.74- HAO NHIÊN ĐÌNH, Sự bại vong của Pháp năm 1940, 193, 28.6.45, 7.75- HANG PHONG, Thu song, 207, 11.10.45, 3.

## 76- HANG PHƯƠNG

- 1- Mù, 61, 26.8.42, 20.
- 2- Khúc nhạc bên đường, 71, 4.11.42, 16.
- 3- Quán cũ trong sương, 74, 25.11.42, 16.

HI ĐẠM, xem : NGUYỄN HUU TRÍ

77- HIỆP SƠN, Văn đề đọc sách ngày nay, 140, 27.4.44, 14-17; 141, 4.5.45, 10-11, 14-15.

## 78- HOA BĂNG, xem: BẠCH CỬ DI, ĐỖ PHỦ, VƯƠNG BỘT, VƯƠNG DUY

- 1- "Oán tình" của Lý Bạch, 1, 3.6.41, 9.
- 2- "Ngoài đồng xa trong", Thơ của Đỗ Phủ, 2, 10.6.41, 9, 16.
- 3- Hơn 100 năm trước đây Việt-nam đã đại thắng người Anh trong một trận thủy chiến, 1, 3.6.41, 10.
- 4- Thủ viết Việt-nam văn-học sử, 2, 10.6.41, 12-13; 3, 17.6.41, 4; 5, 1.7.41, 16; 6, 8.7.41, 12-13; 8, 25.7.41, 9; 10, 8.8.41, 12-13; 14, 12.9.41, 12-13; 18, 10.10.41, 12-13; 19, 17.10.41, 9; 21, 31.10.41, 12-13; 22, 7.11.41, 12-13; 23, 14.11.41, 12-13; 24, 21.11.41, 10; 25, 28.11.41, 12-13; 27, 12.12.41, 12-13; 29, 26.12.41, 12; 30, 7.1.42, 12-13; 31, 14.1.42, 12-13; 32, 21.1.42, 12-13; 33, 28.1.42, 12-13; 36, 25.2.42, 12-13; 37, 4.3.42, 12-13; 42, 8.4.42, 9; 43, 15.4.42, 10, 15; 44, 22.4.42, 12, 15; 47, 20.5.42, 12-13; 49, 3.6.42, 20; 52, 2.6.42, 12-13, 16; 53, 1.7.42, 10; 56, 22.7.42, 12-13.
- 5- Phong dao chia loại và giải nghĩa (I), 3, 17.6.41, 7-8; (A)
- 6- Nước ta có sử từ đời nào? Ai viết sử trước tiên, 6, 8.7.41, 2.
- 7- Xin chắt chối cùng các bạn việc dịch các sử sách bằng Hán văn của ta, 8, 25.7.41, 2, 18.
- 8- Đăng vương các, Thơ Vương Bột, 8, 25.7.41, 7-8.
- 9- Một kiến giải về từ ngữ học, 9, 1.8.41, 2.
- 10- Đọc bản dịch "Đại-học Trung-dụng" của ông Lê Chí Thiệp, 9, 1.8.41, 5, 18.
- 11- Trước khi Âu hoá, Việt-văn đã có nhiều cái ám-hợp với Pháp văn, 10, 8.8.41, 2, 8.
- 12- Bình pháp nhà Lý được ứng dụng ở nước Tàu, 12, 29.8.41, 14.
- 13- Nhận việc chính phủ sẽ mở tại Hà-nội một trường Cao-đẳng khoa học, cần nên gây ngay lại khuyh hướng và hiệu thượng trong học giới Việt-nam : Trọng khoa học, 13, 5.9.41, 23.
- 14- Cần phải truyền bá khoa học bằng sách quốc văn, 16, 26.9.41, 2, 23.
- 15- Bây giờ nếu làm các sách chuyên khoa Việt ngữ phỏng đã đủ rồi là không? 18, 10.10.41, 2, 23.

(A) 13, 5.9.41, 9-10; 15, 19.9.41, 12-13; 23, 5.9.41, 7-8; 24, 21.11.41, 7; 28, 19.12.41, 7, 17; 33, 28.1.42, 9.

- 16- Đứng ôm thành kiến coi thường quốc văn! Đứng nên câu thề khi viết tiếng mẹ đẻ, 19, 17.10.41, 2, 23.
- 17- Vua Lê Thái-tổ hưởng thọ được bao nhiêu ? 19, 17.10.41, 8.
- 18- Từ bước tiên tới của báo giới Việt-nam đến những vết biên thiên của quốc văn trên trang báo chí, 20, 24.10.41, 2-4.
- 19- Những khuyh hướng trong văn học Việt-nam cận đại, 21, 31.10.41, 2, 23.
- 20- Trở lại vấn đề đọc sách báo : Việc này cần phải gây ngay cho thành thói quen, 24, 31.10.41, 2, 23.
- 21- Hy sinh cho khoa học, 25, 28.11.41, 2.
- 22- Văn học Việt-nam ta nên chia loại như thế nào ? 26, 5.12.41, 2, 23.
- 23- Phê bình văn học, 28, 19.12.41, 2, 23.
- 24- Trở lại vấn-đề phê-bình văn-học, một số những nhà học thức ta xưa không phải không có óc phê phán, 31, 14.1.42, 3, 23.
- 25- Chính vua Tự-Đức cũng định cải cách việc học và phép thi, 32, 21.1.42, 2-3.
- 26- Trả lời ông Nguyễn Tiên Lăng : Chỉ tại hai câu phong dao, 32, 21.1.42, 10-11.
- 27- Theo quan niệm thời xưa : Tháng chạp tháng đầy ý nghĩa chính trị, kinh tế và tôn giáo, 33, 28.1.42, 2-3.
- 28- Ngày Tết lịch sử, 34, Xuân Nhâm ngọc, 3, 36.
- 29- Nhân ngày giỗ trận mồng năm tháng giêng : vua Quang Trung (1788-1792) đã trọng dụng quốc văn, 35, 18.2.42, 2-3.
- 30- Một nhà văn học kiêm ngoại giao dưới triều Quang Trung : Ông Võ Huy Tấn với tập Hoa trình tùy bộ, 35, 18.2.42, 6-7.
- 31- Ông Võ Huy Tấn, 36, 25.2.42, 8-9; 37, 4.3.42, 4-5, 9; 40, 25.3.42, 17-18.
- 32- Trở lại vấn đề lập thư-viện Việt-nam : Các vùng ngoại ô và thôn quê cần có những "duyệt thư, bác xa", 37, 4.3.42, 2-3.
- 33- Sử sách ta xưa chép về hai bà Trưng thế nào : 38, 11.3.42, 5-6.
- 34- Gia-dình Trưng-vương, 38, 11.3.42, 7-8.
- 35- Dâng hương miếu Hát, 38, 11.3.42, 14.
- 36- Đến hai Bà ở Đồng nhân, một tấm bia lịch sử, 39, 18.3.42, 12-14.
- 37- Trước cảnh phân tranh của ta hồi thế kỷ thứ mười : Vua Đinh Tiên-hoàng đã gặp Tấn Thuỵ-hoàng ý chí thống nhất bờ cõi, lại giống Hán Cao-tổ ở chỗ vì nước quên nhà, 41, 1.4.42, 3-4.
- 38- Ý nghĩa ba chữ quốc hiệu Đại Cổ Việt, 41, 1.4.42, 12-13.
- 39- Tại sao từ nay nên viết là Trưng Chấn và Trưng Nhị, 42, 8.4.42, 15-16.
- 40- Vấn đề dịch sách : Cần phải dịch nhiều những sách cổ kim, Đông Tây để công hiến cho đồng bào, 43, 15.4.42, 2-3.
- 41- Vai thế văn khoa cử xưa, 43, 15.4.42, 4-5.
- 42- Một giờ với Tùng-vân đạo nhân, 46, 13.5.42, 10-11.
- 43- Trên đường văn hoá thế giới : Từ nghề ăn loát ngoại quốc đến nghề ăn loát Việt-nam, 47, 20.5.42, 2-3.
- 44- Những cái "lạ tai" trong làng báo, 48, 27.5.42, 14-15.

- 45- Lịch trình nghề ăn loát Việt-nam : Từ lời in mộc mộc bản xưa đến thuật in hoạt bản bây giờ, 49, 3.6.42, 2
- 46- Lịch sử đã dạy ta một bài học kinh nghiệm : Triều Gia-long, một dịp có thể đưa nước nhà lên vũ-dại thế giới, 50, 10.6.42, 2-3.
- 47- Nhân ngày kỷ niệm ngũ chu niên một họa sư Pháp : Victor Tardieu tiên sinh với Trường Mỹ-thuật Hà-nội, 51, 17.6.42, 2-4.
- 48- Thủ tục làm thành tờ báo ở xứ ta, 52, 2.6.42, 2-4.
- 49- Muốn trở nên một ngòi bút có giá trị thật cần phải nhận chân chỗ sở năng mình ; mà văn với nhà báo, học gia với nghệ sĩ khác nhau thế nào, 53, 1.7.42, 2, 23.
- 50- Vài cái liệt điểm của một số nhà văn ta, 54, 8.7.42, 2, 21.
- 51- Phan Huy Chú (1781-1840) với bộ Lịch-triều niên-chương, 55, 15.7.42, 3-4.
- 52- Để giúp vào công việc khai hoá, thanh niên trí thức cần phải gắn gũi dân quê, 57, 22.7.42, 2-3.
- 53- Xét từ những trọng nông của người Nam ta qua mấy câu ca dao và ít công văn cũ, 58, 5.8.42, 2-3, 23.
- 54- Văn học ta xưa sở dĩ phát triển được một phần lớn cũng là nhờ công những bà vợ hiền, 59, 12.8.42, 2-4.
- 55- Sĩ phu với tự-đức, 60, 19.8.42, 2, 5.
- 56- Học và thực, 61, 26.8.42, 2, 5.
- 57- Những tâm thần tàn đặng lên bàn thờ văn hoá, 62, 2.9.42, 2, 5.
- 58- Thần thiê và văn nghiệp của nhà thơ hào Nguyễn Du (1765-1820), 63, 9.9.42, 2-4.
- 59- Roi châu chiến rúc... đã để được tập vịnh Kiều, 63, 9.9.42, 12-13, 16.
- 60- Những lời hay của vua Lê Thái-tổ, 65, 23.9.42, 12-13.
- 61- Một người suốt đời trọn vẹn hi sinh mưu lợi cho thiên hạ, 67, 7.10.42, 2-3, 7.
- 62- Quan niệm về sử học và phép chép sử của ta xưa, 68, 14.10.42, 2-4.
- 63- Phương pháp làm sách Lịch-triều niên-chương, 69, 21.10.42, 11.
- 64- Những chuyện mê tín hoang đường xen trong sử sách, 71, 4.II.42, 2, 23.
- 65- Hoạn-cảnh xã-hội của Mạc-tử, 72, 11.II.42, 10-11.
- 66- Nhân một bản dịch 'Truyền ký mạn lục' ở năm Lê Cảnh-hưng thứ XXIV (1763) : Mỗi 179 năm nay, văn xuôi của ta đã đổi khác nhiều, 73, 18.II.42, 2-4.
- 67- Làm giàu cho Việt ngữ ngày nay ta có nên khôi phục những tiếng cổ nào còn dùng được nữa không ? 74, 25.II.42, 2.
- 68- Xét nhân sinh quan của một số nhà văn Đông phương qua thi phẩm họ, 75, 10.II.42, 2-3, 16.
- 69- Thanh niên với thơ văn hùng tráng, 76, 17.II.42, 2-4, 19.
- 70- Muốn khảo cứu tư tưởng học thuyết của Mạc-Địch phải căn cứ vào đâu ? 77, 24.II.42, 6-7.
- 71- Nhìn qua sử giới Trung-hoa, 79, 7.I.43, 2-3.
- 72- Từ-mã Thiệu và bộ Sĩ-ký của sử-gia trứ danh ấy, 80, 14.I.43, 2-3, 17.
- 73- Xét trong thơ chữ Hán của một bậc đại anh-hung, 81, 22. Xuân Quý mùi, 23/1/2/43, 4-5, 46.

- 74- Chính vua Quang Trung có công trong việc phá bỏ lệ công người vàng, 83, 18.2.43, 2-3, 15.
- 75- Tiếng xưng hô cha mẹ của người mình phải chăng đã chỉ rõ những vết biến thiên trên lịch sử dân tộc Đại Việt? 84, 25.2.43, 2-3.
- 76- Một cái án trùng tên : Nguyễn Văn Thắng, soạn giả "Kim Vân Kiều án" khác với Nguyễn Văn Thắng, tên trước cụ Yên-đô, 85, 4.3.43, 4-5.
- 77- Người Nam phải viết đúng tiếng Nam, 86, II.3.43, 2, 17.
- 78- Chủ nghĩa Kiêm-ái, 87, 18.3.43, 2-3.
- 79- Trở lại vấn đề "huyền tác-giả" : Sao lại thế được, 88, 25.3.43, 2-3.
- 80- Nguồn gốc lời từ-khúc, 89, I.4.43, 2-3.
- 81- Phải làm cách nào cho tiếng ta được phong phú và thuần túy ? 90, 8.4.43, 2-3, 23.
- 82- Một nhà thơ, một nhân cách, một tâm sự của "người lịch sử", 92, 22.4.42, 2-3, 21.
- 83- Nuôi già, dạy trẻ : Mạnh-tử và Danton phải chăng đã gặp nhau trong một cơ-quan từ-thiện Nam-Việt ? 93, 29.4.43, 2, 23.
- 84- Phải có cái học tự chủ. Đừng mắc cái bệnh "vụ ngoại" như Vương Dương-Minh đã nói ! Đừng ngồi bên đường than khóc như người Chu trong sách Luận-hành ! 94, 6.5.43, 2-3.
- 85- Nội dung bộ Lịch triều hiến-chương, 95, 13.5.43, 17, 20; 96, 20.5.43, 8-9; 105, 29.7.43, 8-9; 108, 19.8.43, 12-13.
- 86- Nhà văn bình-dân ấy đã lên tiếng bênh vực văn-hoá cổ-hữu của ta thế nào ? 96, 20.5.43, 2-3, 21.
- 87- Quốc-sử ngày nay đã được các bạn thanh-niên đặc-biệt chú ý, 97, 27.5.43, 2-3.
- 88- Hiếu thượng, 99, 10.6.43, 2-3, 9.
- 89- Thế văn ngu-ngôn của ta có từ bao giờ ? 100, 24.6.43, 2-3, 8.
- 90- Trở lại vấn-đề công người vàng : Triều-đại nào đã làm việc công ấy trước ? 101, I.7.43, 2-3, 20-21; Không phải Trần mà Lê làm công việc ấy trước, 103, 15.7.43, 2-3, 21; Trước triều Quang-Trung, ông Nguyễn Hàng ở đời Lê Giay-tông (1705-1728) đã xin "đình" (dừng lại) được lệ công ấy, 104, 22.7.43, 2-3, 21.
- 91- Hư sinh, 102, 8.7.43, 2.
- 92- Cái khí hào-nhiên cần phải có trong đám sĩ-phu ta, 106, 5.8.43, 2-3.
- 93- Đức khiêm-ôn cần phải có trong đám nhà văn ta, 107, 12.8.43, 2.
- 94- Những vết biến-thiên về lời phục-sức của ta cũng đành dấu được nhiều nét quan-trọng về lịch-sử, 108, 19.8.43, 2.
- 95- Lời phục-sức của ta từ sau hồi Âu-hoá, 109, 26.8.43, 2-3.
- 96- Quan-niệm về thâm-mỹ của ta xưa thế nào ? 110, 2.9.43, 2-3.
- 97- Lời văn cũ-nghịep khác với lời văn ngoài trường-đọc thế nào ? 111, 9.9.43, 2-3.
- 98- Lịch trình tiên-hoá của văn-học phụ-nữ ta, 112, 16.9.43, 2-3, 21.
- 99- Dịch-phẩm "Chinh-phụ ngâm" phải chăng của bà Đoàn-thị-Điểm? 113, 23.9.43, 2-3, 14.
- 100- Phong dao giải nghĩa : Cuộc nguyệt cày mây, 114, 30.9.43, 8-9, 21

- 101- Lời văn diễu-thuyết của ta có từ bao giờ ? 115, 7.10.43, 2-3, 21.
- 102- Máy nhà báo tiến-khu và Hội Truyền-bá quốc-ngữ hãy còn gặp nhau trong cuộc cõ-động cho chủ nước ta, 116, 14.10.43, 2-3, 21.
- 103- Một vài nhận-xét trong khi viết tiếng mẹ đẻ, 117, 21.10.43, 2-3, 23.
- 104- Nhiều áng thơ hay ngay xưa để được truyền rộng phải chăng cũng vì tác-giả đi gần đại-chúng ? 118, 28.10.43, 2-3, 19.
- 105- Ngó sơ thanh-niên Việt nam qua mấy trang lịch-sử, 119, 4.II.43, 2-3, 23.
- 106- Chán thành, một bí quyết để thanh-niên làm việc ? 120, 11.II.43, 2-3, 22.
- 107- Một vấn-đề rất đáng chú-ý trong văn-học và sử-học : I- Diêu-Trang vương phải chăng là một ông chúa Trịnh ? II- Chúc Bơ Diêu-Thiện phải chăng là một cô gái Việt-nam ? III- Hương-sơn trong Quận-thê-âm chán kinh phải chăng là núi Hương-tích ở hạt Hà-đông ? 121, 18.II.43, 2-3, 23; 122, 25.II.43, 2-3.
- 108- Nếu cứ vậy mãi, rồi có lẽ không ai buồn làm việc cho quốc-văn nữa ! 123, 2.I2.43, 2-3.
- 109- Làm thế nào mà biết được những câu phong-đạo ấy là có liên-quan đến người hoặc việc trong lịch-sử nước ta ? 124, 9.I2.2-3, 21.
- 110- Phải chăng mấy câu tục-ngữ ca-đạo này là có liên-quan đến người và việc trên trang Quốc-sử ? 125, 30.I2.43, 2-3, 17.
- 111- Họ mai, 126-127, Xuân Giáp thên, 3, 24-25.
- 112- Xuân, mưa sông ! 128, 3.2.44, 2.
- 113- Phải có cái gì để làm đặc-tính của người mình chứ ? 130, 17.2.44, 2, 17.
- 114- "Giống" người, 131, 24.2.44, 2, 4.
- 115- Một bài thơ, một sử-thực, một vinh-dự lớn của triều Quang-Trung : Chiến thắng Mãn-Thành về mặt ngoại-giao, 132, 2.3.44, 2-3, 8.
- 116- Bước tiến triển về vết biên thiên của thi-ca ta, 133, 9.3.44, 2-3, 20; 134, 16.3.44, 2-3, 23.
- 117- Vấn-đề sưu-tập sử-liệu Việt-nam : Máy việc khẩn-cấp cần phải làm ngay từ giờ, 136, 30.3.44, 2-3.
- 118- Đồng-đĩa thật nay ở đâu ? Phải nhờ đến cuộc của nhà khảo cổ ! 137, 6.4.44, 2-3.
- 119- Lập ngôn, 138, 13.4.44, 2, 20.
- 120- Một bài thơ của Lê Cảnh Tuấn, 138, 13.4.44, 14-15.
- 121- Ngó qua mấy phái trong lòng "lập ngôn" ở xứ ta nay, 139, 20.4.44, 2-3, 21.
- 122- Đời văn-học của Lê-Thanh (1913-1944), 141, 4.5.44, 6-7.
- 123- Địa vị Hán học trong văn-học ta, 143, 25.5.44, 2-3.
- 124- Cái chết của vua Quang-Trung (1788-1792), 144, 1.6.44, 2-3, 21.
- 125- Nhận đọc truyện Lê gia, 145, 8.6.44, 2-3, 17.
- 126- Muốn ban nói về những vấn-đề văn, sử, triết-học đông-phương ta có thể chỉ dựa vào tài-liệu của người khác mà không khảo-thắng ở các nguyên-thư ??? 146, 15.6.44, 2-3.
- 127- Tục-ngữ về ca-đạo, 147, 22.6.44, 2-3, 20.

- 128- Tác-ngữ ca-dao, nguồn văn liệu rất phong phú, 148, 29.6.44, 2-3.
- 129- Một nhân vật lịch-sử đã làm những việc chuyển đất xoay trời sao lại không được chính sử nước ta chép đến, 149, 6.7.44, 2-3.
- 130- Về cuốn "Quang-Trung I" : Đáp lời ông Bê Lăng Ngoạn, 150, 17.7.44, 8-9, 13.
- 131- Đề đi đến một bộ Việt sử hoàn toàn bây giờ cần phải chia nhau khảo từng thời-đại một, 151, 20.7.44, 2, 20.
- 132- Một đoạn lịch sử ngoại giao giữa ta và Tàu hồi cuối thế kỷ thứ XVIII, 152, 27.7.44, 2-3; 153, 3.8.44, 18-19.
- 133- Văn nom đời Cảnh-thịnh (1793-1800), 154, 10.8.44, 2-3, 19.
- 134- Bút chiến, 155, 17.8.44, 2-3.
- 135- Gốc tích chuyện Tâm Cam, 156, 24.8.44, 2-3, 17.
- 136- Bình-giả với người bị phê-bình, 157, 7.9.44, 2.
- 137- Một đề nghị về văn học, 158, 14.9.44, 2, 21.
- 138- Mấy bộ sử ở đời Lê, 159, 21.9.44, 2-3.
- 139- Đánh nhận liệt truyện (Tự), 159, 21.9.44, 5.
- 140- Hát dưới trăng thu, 161, 5.10.44, 3-4.
- 141- Lịch sử khoa nhi-đồng học, 163, 19.10.44 2-3.
- 142- Nhận câu chuyện Tâm Cam, 164, 26-10-44, 2-3, 21.
- 143- Ngó sơ lịch-sử khoa nhi-đồng-học của ngoại-quốc, 165, 2.II.44, 2-3, 21.
- 144- Lịch sử nhi-đồng-học Anh, Mỹ, 166, 16.II.44, 2-23.
- 145- Lịch sử nhi-đồng-học từ Đức, Nga đến Nhật, Hoa, 167, 23.II.44, 2-3, 23.
- 146- Văn đề nhi-đồng nước ta : Nhi-đồng ở những thế-hệ trước, 168, 30.II.44, 2-3.
- 147- Nhi đồng Việt-nam ở thế-hệ nay : Ảnh-hưởng gián-tiếp của mấy nhà y-học đời với nhi-đồng, 169, 7.I2.44, 2-3; Hướng đạo với nhi-đồng, 171, 14.I2.44, 2-3; Mấy hội từ-thiện đời với nhi-đồng, 171, 21.I2.44, 2-3, 20; Hội-học với nhi-đồng, 172, 23.I2.44, 2-3.
- 148- Sách vở với nhi-đồng : Từ sách vỡ lòng đến sách giáo dục trẻ, 173, 4.I.45, 2-3, 23.
- 149- Sách, báo với nhi-đồng : Từ sách nghiên-cứu nhi-đồng đến báo trẻ em, 174, 14.I.45, 2-3.
- 150- Từ cái tóc ngoại-quốc đến cái tóc Việt-nam, 175-178, 1.2.45, Yugen Ất Dậu, 3-5, 44-45.
- 151- Phan công, 179, 1.3.45, 2.
- 152- Cái thuyết "Tri hành hợp nhất" có còn thích hợp với người mình ngày nay nữa không? 181, 29.3.45, 2-3, 19
- 153- Nhân ngày kỷ niệm Hai Bà, 182, 12.4.45, 12.
- 154- Góp chút ý mọn vào công cuộc kiên-thiết, 183, 19.4.45, 2-3, 20.
- 155- Nhớ lại một buổi hội đàn với cụ Dương Bá Trạc, 184, 26.4.45, 6-7, 20
- 156- Thơ về câu đời quanh việc Hoàng Diệu tử trung, 185-186, 10.5.45, 14, 26-27.

- 78/ 157- Những cuộc cách-mạng (sic 1) từ khi Pháp thuộc, 185-186,  
10.5.45, 16-17, 28-29, 31-33.
- 158- Việt-nam chính thể ca (Thiệu đình và chú giải), 182, 24.5.45,  
12-14.
- 159- Quyền ngôn luận, 189, 24.5.45, 2.
- 160- "Nhà quê", 191, 14.5.45, 2, 13
- 79- HOA BẰNG và CÁCH CHI, Đảng hướng Đền Kiếp, 17, 3.10.41, 30-31.
- 80- HOA BẰNG và TIÊN ĐÀM, Ông Alexandre de Rhodes (1591-1660), 2,  
10.6.41, 3-5.
- 81- HOA NAM và CÂY THÔNG, Thử bàn về nghệ thuật kịch và cách thức tổ-  
chức một buổi diễn kịch, 26, 5.12.41, 17-18, 20.
- HOA NAM, xem : PHAN KỶ NÔNG (Hoa nam)
- 82- HOÀ TRAI, xem : ĐẲNG HUY TRÚ
- 1- Trở lại chữ 'bội', 171, 21.12.44, 10, 11, 14.
- 83- HOÀI DŨNG, Việc thâu phục nước Thủy-xá và Hoá-xá, 98, 3.6.43,  
6-7; 99, 10.6.43, 6-7, 23.
- 84- HOÀI CHI, Nội lời ông Hoa Bằng : Phải trọng khoa-học, 28, 19.12.  
41, 8.
- 85- HOÀI NAM, Bài văn-tê cụ Sào-nam Phan Bội Châu, 196, 19.7.45, 5, 15.
- 86- HOÀI THANH, Nguyên nhân sâu xa của phong trào thơ mới, 25, 28.11.  
41, 5.
- 87- HOÀI VẠN, Nguyệt-Nga nhớ Vân-Tiên, 103, 19.8.43, 10.
- 88- HOÀNG DIỆP, Cuộc đời bí mật của nàng Vương Thủy Kiều sáu trăm năm  
về trước, 71, 4.11.42, 14-15; 72, 11.11.42, 20-21.
- 89- HOÀNG HẠC, Say, 196, 19.7.45, 9.
- 90- HOÀNG KIM LUNG, Nền học mới Việt-nam, 199, 9.8.45, 10-11, 14-15.
- 91- HOÀNG MẠNH LUAN, Bài trúng giải nhất cuộc thi đến Đa-học, 46, 13.  
5.42, 8.
- 92- HOÀNG MINH, An-Tiên, 31, 14.1.42, 17-18.
- HOÀNG PHỦ NHIỆM, xem : NGUYỄN ĐÓN HƯC, Nam đàn..., 78
- 93- HOÀNG THIÊU SƠN
- 1- Anh hùng ca Việt-nam, 123, 2.12.43, 14-15, 21
- 2- Khái luận và phê bình thi ca cũ : Tôn giáo ca Việt-nam, 125,  
30.12.43, 6-7, 21; Một thiên tiểu anh-hung ca, 129, 10.2.44,  
18-20; Lịch sử và thi ca, 130, 17.2.44, 10-11, 15; 131, 24.2.  
44, 6-7, 20; Văn chương quân sự, 132, 2.3.44, 18-20.
- HOÀNG THỨC TRÂM, xem : HOA BẰNG
- 94- HOÀNG VĂN SỸ, Bài văn truy điệu chiến sĩ Nhật-Việt tại Hải-ninh,  
194, 5.7.45, 7.
- 95- HOÀNG XUÂN HÂN, Phép đổi năm âm lịch và dương lịch, 66, 30.9.42, 9.
- 96- HỒ THÍCH, Kết tinh sử-liệu (trong Trung-quốc triết học sử đại  
cương), Cổ-hộ dịch, 118, 28.10.43, 14-15.
- 97- HỘI KHUYẾN HỌC CÁN-THỎ (Ban trị sự), Cuộc tu bổ ngôi mộ Thủ-khoa  
Nghĩa, tác giả tưởng "Kim Thạch kỳ duyên" : Lời gọi đồng-bào,  
27, 27.5.45, 17.
- HỘI THÔNG, xem : VŨ VĂN LỢI
- 98- HỒNG CHƠN, Cầu Di Tật về năm thân theo thời sự, 129, 10.2.44, 5.

- 99- HUY BÌNH, Đổ sương trên hè, 125, 30.II.43, 9. (Thơ)  
 100- HUY TÂN, Xuân vườn cũ, 126-127, Xuân Giáp Thân, 11.  
 101- HUỖNH BẢ HIÊN, Trịnh Trang mắc mưu, 27, I2.I2.4I, 19.  
 102- HƯƠNG SẮC, Xét nguyên uỷ câu : "Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi",  
25, 28.II.41, 14.  
 103- HƯƠNG SƠN, Ba mươi năm làm quan, 200, 16.8.45, 14.

## K

- 104- K.S., Một buổi họp của Hội Truyền-bá quốc-ngữ, 13, 5.9.4I, 11.  
 105- K.V., Những bản Lục Vân Tiên đã xuất bản, 105, 29.7.43, 3,20-21.  
 106- KIÊM TỬ, Nỗi khổ tâm của thanh niên ngày nay trong lúc đọc sách, 146, I5.6.44, 7.  
 107- KIÊN XƯƠNG  
 1-- Từ chế độ dân-chủ cộng-hoà đến hiện-pháp, 207, II.I0.45, 2-  
 2- Phong-trào chính-trị trong mấy tháng vừa qua, 208, 18.I0.45,  
 2, 15.  
 3- Sự mệnh về ai, 209, 25.I0.45, 3, 17.  
 4- Toàn dân Việt Nam hãy cùng nhau hô : Kháng chiến, 210, I.II.  
 45, 3.  
 5- Đa tin điều trước, 211, 8.II.45, 4-5.  
 6- Từ toàn dân kháng chiến đến toàn dân vận động, 212, 22.II.  
 45, 2-3.  
 108- KIỀU OÁNH MẬU, Ai sơn hành, Thiết Chi dịch (Trúc Khê giới thiệu)  
195, I3.7.45, 6-7.  
 109- KIỀU THANH QUÊ  
 1- Quốc sử chép đúng (Sử-học luận đàn), 23, 14.II.4I, 4, 23.  
 2- Đọc "Nguyên Trường Tộ" của Tử Ngọc, 26, I9.I2.4I, 9-10.  
 3- Phê bình "Lầu chông", 33, 28.I.42, 10-11.  
 4- Vương An Thạch hay Lê Quý Đôn, 37, 4.3.42, 9.  
 5- Cuộc kỳ ngộ Lan Khai - Zweig : "Tội và thương" gặp "La peur"  
43, I5.4.42, 17-19.  
 6- Phê bình "Hàn Mặc Tử" của Trần Thanh Mại, 46, I3.5.42, 6-7.  
 7- Phiên dịch cũng là một cách đào luyện văn-chương, 49, 3.6.42  
 5-7.  
 8- Nỗi lòng Tô Như dưới triều Gia-long. So sánh hai áng văn  
 chương ra đời dưới triều ấy : Kiều và Hoa tiên, 50, I0.6.42,  
 17-20.  
 9- Phê bình "Triết học Bergson" của Lê Chí Thiệp, 52, 2.6.42,  
 10-11.  
 10- Phê bình "Đông bệnh", kịch của Khải Hưng, 53, I.7.42, 19-20.  
 11- Giá trị một bản dịch, 54, 8.7.42, 6-8, 11.  
 12- Quan niệm dịch thơ, 56, 22.7.42, 4-5, 20.  
 13- Phê bình "Bong mơ" tiểu thuyết của Ba Tú Hoa, 59, I2.8.42, 6  
 14- Phê bình "Tôn Thọ Tường" danh nhân truyện ký của Khuông Việt  
66, 30.9.42, 5.  
 15- Phê bình "Chân trời cũ" tập truyện ngắn của Hồ Dzènh, 67,  
 7.I0.42, 9.  
 16- Phê bình "Quê người" tiểu thuyết của Tô Hoài, 69, 2I.I0.42,  
 10, 16.